

# NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO CÁC CHƯƠNG TRÌNH CỬ NHÂN CHÍNH QUY CHẤT LƯỢNG CAO TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI

Trần Thị Hồng Việt\*

*Bài viết làm rõ vai trò và tính cấp thiết của việc nâng cao chất lượng các chương trình đào tạo cử nhân chính quy chất lượng cao để đáp ứng nhu cầu của xã hội về nguồn nhân lực chất lượng cao hiện nay ở Việt Nam, đánh giá thực trạng chất lượng đào tạo một số chương trình điển hình hiện nay và đề xuất một số giải pháp, kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của các chương trình này. Mặc dù xã hội đánh giá khá cao chất lượng đào tạo, năng lực làm việc và mức độ đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động của sinh viên, vẫn có nhiều điểm cần phải cải thiện đáng kể về khung chương trình, giảng viên, giáo trình, hoạt động ngoại khóa, cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ đào tạo. Bài viết cũng đề xuất một số kiến nghị đối với Bộ GD&ĐT và các trường đại học chủ quản về trao quyền tự chủ thực sự và thực hiện cơ chế “hậu kiểm”, đổi mới triệt để, toàn diện cơ chế quản lý giáo dục, hỗ trợ về chính sách tài chính, học bổng, văn bản hóa bộ chuẩn chung về hệ thống đào tạo các chương trình cử nhân chính quy chất lượng cao cũng như tiếp tục hỗ trợ phát triển đề án “Đào tạo theo chương trình tiên tiến” sang giai đoạn tiếp theo.*

**Từ khóa:** Chương trình cử nhân chính quy chất lượng cao, chương trình đào tạo bằng tiếng Anh, chất lượng đào tạo, khung chương trình, giảng viên, sách và tài liệu học tập, cơ sở vật chất, dịch vụ hỗ trợ đào tạo, năng lực chuyên môn, năng lực thực tiễn, kỹ năng mềm, năng lực tiếng Anh, khả năng đáp ứng cơ hội nghề nghiệp.

## 1. Khái quát về chương trình đào tạo Cử nhân chính quy chất lượng cao

**Khái niệm:** Chương trình cử nhân chính quy chất lượng cao (CNCQCLC) ở Việt Nam được chính thức ra đời vào khoảng nửa sau những năm 2000 ở một số trường đại học hàng đầu về kinh tế và kinh doanh. Đây là xu hướng tất yếu của tiến trình phát triển, đồng thời cũng là kết quả của sự hợp tác đào tạo quốc tế giữa các trường đại học Việt Nam và các trường đại học tiên tiến trên thế giới. Hiểu một cách chung nhất, chương trình CNCQCLC là chương trình đào tạo chính quy ở bậc cử nhân trong các trường đại học, được thiết kế và giảng dạy bằng tiếng Anh, theo chuẩn quốc tế, với mô hình và phương pháp giảng dạy hiện đại, lấy người học là trung tâm, nhằm phát huy tối đa tính chủ động, sáng tạo của người học, do các trường đại học của Việt Nam cấp bằng, dưới sự quản lý thống nhất của Bộ

GD &ĐT Việt Nam. Mục tiêu của chương trình là nhằm đào tạo ra những cử nhân có đủ năng lực kiến thức, kỹ năng và phẩm chất để có thể làm việc tốt trong môi trường kinh tế toàn cầu hóa.

**Đặc điểm:** Chương trình đào tạo CNCQCLC mang một số đặc điểm riêng, khác biệt so với các chương trình đào tạo cử nhân chính quy truyền thống. Đó là:

Chương trình áp dụng mô hình và phương pháp đào tạo hiện đại, được chuyển giao công nghệ đào tạo của các trường đại học tiên tiến trên thế giới.

Ngoại trừ một số môn học bắt buộc về nguyên lý chủ nghĩa Mác- Lê Nin, giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng, các môn học khác đều được giảng dạy bằng tiếng Anh và sử dụng giáo trình gốc của nước ngoài.

Thiết kế nội dung và kết cấu chương trình hướng

tới đạt chuẩn quốc tế nhưng vẫn đảm bảo phù hợp với bối cảnh cụ thể của Việt Nam, do đó nội dung chương trình phải có những học phần bắt buộc do Bộ GD&ĐT quy định.

Giảng viên và báo cáo viên là các chuyên gia có kinh nghiệm và bằng cấp đến từ các trường đại học và các doanh nghiệp có uy tín trong và ngoài nước.

Ngoài việc học tập lý thuyết trên lớp, các chương trình đều rất chú trọng đến các hoạt động ngoại khóa và phát triển kỹ năng mềm.

Mức học phí mà sinh viên phải đóng thường cao hơn so với các chương trình truyền thống.

**Lợi ích của các chương trình CNCQCLC:** So với các chương trình truyền thống, chương trình đào tạo CNCQCLC có những ưu việt và lợi ích sau đây:

Do áp dụng mô hình đào tạo hiện đại theo chuẩn quốc tế từ nội dung chương trình, phương pháp đào tạo, cơ sở vật chất và các dịch vụ hỗ trợ đặc biệt, các chương trình chất lượng cao cũng là nơi cấp các kiến thức hiện đại, cập nhật và rèn luyện tốt kỹ năng cho sinh viên.

Sinh viên có cơ hội tiếp xúc, làm quen với môi trường học tập theo chuẩn quốc tế, qua đó lĩnh hội được những kiến thức và kỹ năng cần thiết, đáp ứng được nhu cầu học tập và làm việc trong môi trường đa quốc gia, đa văn hóa.

Với phương châm đào tạo “lấy sinh viên làm trung tâm và tất cả vì sinh viên” đã tạo ra những điều kiện học tập tốt nhất trong một môi trường năng động, chuyên nghiệp, thoải mái và thân thiện hơn cho sinh viên, qua đó kích thích sinh viên học tập nhiều hơn, tích cực và chủ động hơn.

**Một số chương trình CNCQCLC điển hình trên địa bàn Hà Nội hiện nay:**

***Chương trình Cử nhân Quản trị Kinh doanh bằng tiếng Anh E-BBA (Viện Quản trị Kinh doanh – Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (KTQD))***

Đây là chương trình đào tạo cử nhân chính quy đầu tiên của Việt Nam trong ngành quản trị kinh doanh, được thiết kế theo chuẩn mực quốc tế và giảng dạy bằng tiếng Anh do Viện Quản trị Kinh doanh- Trường Đại học KTQD thực hiện. Chương trình là sự kết hợp hài hòa giữa nền tảng giáo dục hiện đại của các nước tiên tiến trên thế giới và khung đào tạo mang tính ứng dụng cao đã được Bộ GD&ĐT phê chuẩn năm 2008.

Khóa đầu tiên của Chương trình được tuyển sinh vào năm 2009, bao gồm 50 sinh viên lớp E-BBA1. Năm 2013, Chương trình đã làm lễ tốt nghiệp cho khóa học đầu tiên và chuẩn bị đón tiếp khóa 5 nhập trường. Hiện nay, có khoảng hơn 300 sinh viên đang theo học tại Chương trình này. Đây là chương trình được sở hữu và quản lý trực tiếp bởi Viện Quản trị Kinh doanh- một tổ chức tự chủ hoàn toàn về tài chính thuộc trường đại học KTQD thực hiện. Mức học phí hiện tại là 3.950.000 đồng/tháng. Việc tuyển sinh được áp dụng hoàn toàn theo cơ chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT theo kỳ thi tuyển sinh đại học và cao đẳng chung của cả nước, với điểm xét tuyển theo điểm sàn vào Trường Đại học KTQD.

***Chương trình Tiên tiến (Trường Đại học Kinh tế Quốc dân)***

Chương trình tiên tiến – Trường Đại học KTQD (CTTT – KTQD) được xây dựng và chuẩn hóa theo chương trình đào tạo ngành Tài chính của Trường Quản trị Kinh doanh thuộc Đại học Long Beach, một trong 24 trường của hệ thống Đại học công lập của bang California- Hoa Kỳ. Đây là chương trình được Bộ GD&ĐT phê duyệt trong khuôn khổ đề án “Đào tạo theo chương trình tiên tiến tại một số trường đại học của Việt Nam giai đoạn 2008-2015” với mục tiêu xây dựng và phát triển một số ngành đào tạo và trường đại học đạt đẳng cấp quốc tế. Do đó, đây là một chương trình công, được hỗ trợ về tài chính từ phía Bộ GD&ĐT.

Chương trình đã tuyển sinh được 6 khóa, trong đó khóa đầu tiên được đào tạo vào năm 2007. Hiện chương trình đang có trên 500 sinh viên đang theo học với 2 chuyên ngành là tài chính và kế toán. Chương trình đã có 2 khóa sinh viên tốt nghiệp. Với sự hỗ trợ kinh phí từ Bộ GD&ĐT, chương trình có mức học phí (2012-2013) là 3 triệu đồng/tháng. Đối tượng được tham gia thi tuyển là các sinh viên đã trúng tuyển vào trường Đại học KTQD.

***Chương trình Tiên tiến Cử nhân kinh tế (Đại học Ngoại thương)***

Chương trình hợp tác giữa Trường Đại học Ngoại thương và Đại học Tổng hợp Bang Colorado (CSU), Hoa Kỳ, đã được Bộ GD&ĐT phê duyệt trong khuôn khổ đề án “Đào tạo theo chương trình tiên tiến tại một số trường đại học của Việt Nam giai đoạn 2008-2015” với mục tiêu xây dựng và phát triển một số ngành đào tạo và trường đại học đạt đẳng cấp quốc tế. Đây là chương trình trong lĩnh

vực kinh tế đối ngoại. Sinh viên sau khi tốt nghiệp sẽ được cấp bằng Cử nhân Kinh tế (ngành chính) và Kinh doanh (ngành phụ).

Đây là chương trình công được hỗ trợ chi phí đào tạo từ Bộ GD&ĐT. Mức học phí năm 2012 của Chương trình là 31.500.000 đồng/năm tương đương 3.150.000 đồng/ tháng. Hiện chương trình đã tuyển sinh được 5 khóa với tổng số sinh viên khoảng 500 sinh viên. Số lượng sinh viên đang theo học khoảng 400 sinh viên. Đối tượng được phép thi tuyển gồm sinh viên đã trúng tuyển Trường Đại học Ngoại thương.

**Chương trình Chất lượng cao (Viện Quản trị Kinh doanh – Trường Đại học FPT)**

Chương trình này đào tạo 3 ngành: Quản trị kinh doanh, tài chính – ngân hàng và quản trị khách sạn. Chương trình tuyển sinh khóa đầu tiên năm 2009 và cho đến nay đã tuyển sinh được 4 khóa. Số lượng sinh viên bình quân mỗi khóa là 2000 sinh viên. Hiện Chương trình đang có khoảng 8000 sinh viên cho cả 3 ngành kể trên.

Đây là một chương trình thuộc trường đại học tự thực nên hoàn toàn tự chủ về tài chính. Mức học phí hiện tại như sau: học kỳ chính khoảng 20 triệu đồng/1 kỳ (1 kỳ khoảng 4 tháng) tương đương khoảng 5 triệu đồng/ tháng, khóa học tiếng Anh dự bị là 18 triệu đồng/1 cấp độ (có tối đa 7 cấp độ). Điều kiện tham gia tuyển sinh là các thí sinh phải có điểm thi đại học trên điểm sàn của Bộ GD&ĐT, sau đó tham gia kỳ kiểm tra thường niên bao gồm kiểm tra IQ (Intelligent Questions- kiểm tra chỉ số thông minh) và bài kiểm tra EQ (Emotion Questions- Kiểm tra chỉ số cảm xúc).

**2. Sự cần thiết phải nâng cao chất lượng các chương trình CNCQCLC ở Việt Nam**

Nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam hiện nay đòi hỏi phải có nguồn nhân lực toàn diện cả về kiến thức, kỹ năng và có năng lực chuyên môn ở trình độ cao. Nhu cầu này ngày càng trở nên cấp thiết và quan trọng khi Việt Nam đang trên đường hội nhập với thế giới. Bên cạnh đó, việc thành lập Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) vào cuối năm 2015 sẽ là động lực buộc Việt Nam phải có sự chuẩn bị đầy đủ về nguồn nhân lực. Do đó, chương trình CNCQCLC trong các trường đại học có vai trò rất quan trọng trong việc cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội.

Theo xu thế phát triển kinh tế nói chung, học

sinh, sinh viên Việt Nam ngày càng chú trọng đến chất lượng giáo dục. Điều này thể hiện ở con số thống kê năm 2009 có hơn 50.000 học sinh đi du học tại nước ngoài, chiếm tỉ trọng gần 23% trong tổng số 220.000 học sinh ở Hà Nội (60.000 du học sinh: Nguồn nhân lực tương lai, 2013). Tỉ lệ này không ngừng tăng lên trong những năm qua. Nhận thức được nhu cầu đó của xã hội, các trường đại học lớn đã mở ra các chương trình tiên tiến, chất lượng cao hoặc tương đồng (được biết đến như các chương trình của nước ngoài, các chương trình liên kết,...) ngày càng nhiều, một mặt đã đáp ứng được nhu cầu của người học, nhưng do đa phần chạy theo hu hướng xã hội, nhiều chương trình đã bộc lộ những yếu kém về chất lượng đào tạo. Tại các chương trình này, sự bất cập thể hiện rõ trong việc mập mờ thông tin đào tạo, áp dụng máy móc tình huống của các nước phương Tây vào môi trường Việt Nam, thiếu sự chọn lọc trong việc dạy và học. Nhiều chương trình chất lượng cao quá tập trung vào lợi nhuận mà coi nhẹ việc đảm bảo chất lượng dạy học. Trong thời gian qua đã xảy ra hiện tượng nhiều “chương trình đào tạo chất lượng cao” bị phát hiện lừa đảo hoặc nhận được nhiều ý kiến tiêu cực của dư luận. Sự thiếu trách nhiệm của các đơn vị tổ chức đã gây ra thiệt hại không nhỏ cho học sinh, sinh viên cũng như phụ huynh, gây ra bức xúc lớn trong dư luận.

Xuất phát nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội, nhu cầu của người học và những yếu kém tạo áp lực phải thay đổi để tồn tại và phát triển buộc các trường đại học phải nâng cao chất lượng đào tạo của các chương trình chất lượng cao, đặc biệt là các chương trình đào tạo cử nhân chính quy.

**3. Thực trạng chất lượng các chương trình CNCQCLC trên địa bàn Hà Nội**

**3.1. Đánh giá chất lượng đào tạo từ quá trình đào tạo**

Bảng 1 cho thấy kết quả khảo sát 240 sinh viên đang theo học 4 chương trình của 3 trường đại học nêu trên để so sánh chất lượng kỳ vọng và chất lượng thực tế nhận được của họ; Bảng 1 cho thấy sinh viên đánh giá cao nhất đối với tiêu chí “Chương trình học” với khoảng cách chất lượng là -1.52 và điểm số 3.48, tiếp theo là “Giảng viên” với khoảng cách -1.63 và điểm số 3.37. Tiêu chí bị phản nản nhiều nhất là “Các hoạt động ngoại khóa bổ trợ kỹ năng” với khoảng cách -1.99 và điểm số 3.01, tiếp theo là “Dịch vụ hỗ trợ đào tạo” với khoảng

**Bảng 1: Đánh giá của sinh viên đang theo học cho 6 tiêu chí quá trình đào tạo**

STT	Tiêu chí	Chất lượng thực tế (T)	Chất lượng kỳ vọng (M)	Khoảng cách chất lượng (K = T - M)
1	Chương trình học	3.48	5	-1.52
2	Giảng viên	3.37	5	-1.63
3	Sách và tài liệu	3.16	5	-1.84
4	Các hoạt động ngoại khóa hỗ trợ kỹ năng	3.01	5	-1.99
5	Cơ sở vật chất	3.1	5	-1.90
6	Dịch vụ hỗ trợ đào tạo	3.04	5	-1.96

(Nguồn: Khảo sát của nhóm nghiên cứu)

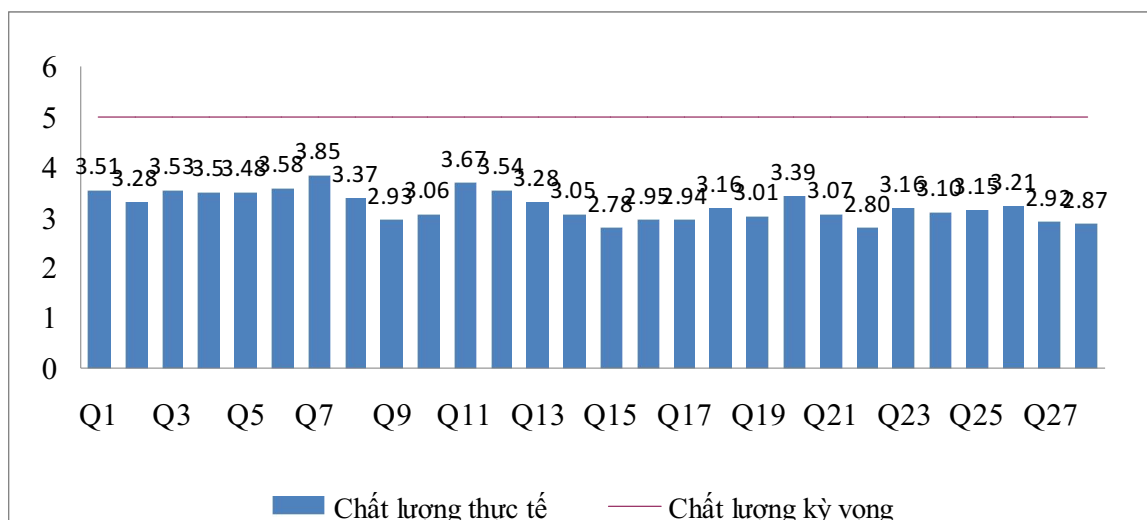
cách - 1.96 và điểm số 3.04; và “Cơ sở vật chất” với khoảng cách -1.90 và điểm số 3.1.

Hình 1 cho thấy rõ hơn đánh giá của sinh viên về 28 tiêu chí cụ thể thuộc 6 nhóm tiêu chí, trong đó từ Q1 đến Q6 thuộc “Chương trình học”, Q7 đến Q11 thuộc “Giảng viên”, Q12 đến Q15 thuộc “Sách và tài liệu”, Q16 đến Q19 thuộc “Các hoạt động ngoại khóa và hỗ trợ kỹ năng”, Q20 đến Q24 thuộc “Cơ sở vật chất” và Q25 đến Q28 thuộc “Dịch vụ hỗ trợ đào tạo”.

Kết quả cho thấy chất lượng thực tế của cả 28 tiêu chí đều thấp hơn chất lượng kỳ vọng một cách khá rõ ràng, có nhiều khoản mục tiêu chí có điểm thấp

dưới 3 trong đó 2 khoản mục thuộc “Hoạt động ngoại khóa hỗ trợ kỹ năng”, 2 khoản mục thuộc “Dịch vụ hỗ trợ đào tạo”, 1 khoản mục thuộc “Cơ sở vật chất”, 1 khoản mục thuộc “Giảng viên” và 1 khoản mục thuộc “Sách và tài liệu học tập”. Điều này chứng tỏ nhìn chung các chương trình CNCQ-CLC hiện nay mới chỉ đáp ứng được phần nào chất lượng đào tạo. Hầu hết các chương trình đều bộc lộ những hạn chế nhất định sau một thời gian hoạt động.

Bảng 2 phân tích so sánh giữa các chương trình, ta thấy sinh viên cho điểm cao nhất đối với chương trình Cử nhân CLC của đại học FPT, sau đó đến

**Hình 1: Đánh giá của sinh viên cho 28 khoản mục tiêu chí của quá trình đào tạo**


(Nguồn: Khảo sát của nhóm nghiên cứu)

**Bảng 2: Đánh giá của sinh viên cho 6 tiêu chí của 4 chương trình**

Tiêu chí	Điểm TB	Trong đó			
		E-BBA	CTTT-KTQD	CTTT-NT	CLC-FPT
Chương trình học	3,48	3,44	3,27	3,35	3,93
Giảng viên	3,37	3,27	3,17	3,39	3,68
Sách và tài liệu học tập	3,16	3,02	2,96	2,93	3,78
Hoạt động ngoại khóa	3,01	3,07	2,79	2,54	3,66
Cơ sở vật chất	3,10	3,01	2,74	2,93	3,74
Dịch vụ hỗ trợ đào tạo	3,04	2,93	2,66	2,85	3,72

(Nguồn: Khảo sát của nhóm nghiên cứu)

chương trình Cử nhân E-BBA của Trường Đại học KTQD. Hai chương trình này được đánh giá khá cao về “Chương trình học và “Giảng viên”. Các chương trình Tiên tiến của 2 trường KTQD và đại học Ngoại thương xếp sau đó với những tiêu chí dưới 3 điểm là “Sách và tài liệu học tập”, “Hoạt động ngoại khóa”, “Cơ sở vật chất” và “Dịch vụ hỗ trợ đào tạo”. Đồng thời, kết quả phỏng vấn sâu đã cho thấy rõ lý do và nhân tố tác động đến những vấn đề còn hạn chế ở trên. Cụ thể là:

*Về chương trình đào tạo:* Chương trình E-BBA và các CTTT tập trung đào tạo kiến thức chuyên môn tương đối nhiều và chương trình khá nặng với 180 tín chỉ, trong khi CTCLC– FPT, khối lượng chỉ 136 tín chỉ và đã đào tạo ngoại ngữ 2 (tiếng Trung hoặc Nhật). Sinh viên của CTTT-KTQD cho rằng họ hầu như không biết về logic và cấu trúc phân bổ môn học do không được định hướng trước khóa học trong khi sinh viên E-BBA thì được định hướng rất rõ ràng.

*Về giảng viên:* Mặc dù các chương trình đã chú trọng đầu tư nhưng tỷ lệ giảng viên và báo cáo viên là người nước ngoài và các nhà quản lý còn chưa thực sự đạt kỳ vọng. CTCLC-FPT đã làm khá tốt vì đã mời được giảng viên có nhiều kinh nghiệm thực tế. Tiếp theo là chương trình E-BBA cũng đã có nhiều cố gắng trong việc xây dựng được hệ thống giảng viên có kinh nghiệm là các chuyên gia nước ngoài có uy tín gắn bó lâu dài với Viện. Một hạn chế lớn của việc mời giảng viên nước ngoài tốt là do hạn hẹp về chi phí đối với những chương trình phải tự chủ hoàn toàn như E-BBA trong khi cố gắng duy trì mức học phí vừa phải cho sinh viên.

*Về sách và tài liệu học tập:* Sinh viên đánh giá là hầu hết các chương trình đều sử dụng sách giáo trình gốc, cập nhật, tương đối hữu ích và tính ứng dụng cao. Tuy nhiên, sinh viên cũng ghi nhận khác biệt ở chỗ các CTTT thuộc đề án của chính phủ nên sinh viên được hỗ trợ khá nhiều về giáo trình và tài liệu học tập và được sử dụng giáo trình gốc của trường đại học nước ngoài. CTCLC–FPT và E-BBA thì phải tự xây dựng hệ thống giáo trình nhưng họ cũng có thư viện riêng biệt với hệ thống sách và tài liệu tham khảo cho việc học tập của sinh viên.

*Về hoạt động ngoại khóa bổ trợ kỹ năng:* Sinh viên đánh giá khá cao đối với CTCLC-FPT và E-BBA vì hai chương trình rất chú trọng tổ chức các hoạt động ngoại khóa bổ trợ kỹ năng cho sinh viên. Số lượng hoạt động ở các chương trình này tương đối nhiều và luôn có sự hợp tác, chủ động giữa sinh viên và chương trình đã giúp tăng hiệu quả hoạt động. Đặc biệt, chương trình của FPT được chủ động hoàn toàn về nhân sự, tài chính với bộ máy quản lý gọn nhẹ, có cán bộ chuyên trách nên tập trung hoạt động khá hiệu quả.

*Về cơ sở vật chất:* CTCLC – FPT là trường tư mới được xây dựng nên được sinh viên đánh giá cao nhất. E-BBA có khuôn viên độc lập và trang thiết bị theo hướng chuẩn hóa và cũng có hệ thống thư viện riêng là những yếu tố chính tạo nên sự khác biệt với các chương trình khác tuy nhiên còn hạn chế về diện tích và số lượng đầu sách và đã thiết bị cũng đã xuống cấp vì được xây dựng từ khá lâu. Các CTTT còn hạn chế về khuôn viên cảnh quan và còn phụ thuộc nhiều vào trường đại học chủ quản.

*Về dịch vụ hỗ trợ đào tạo:* Một số các dịch vụ hỗ

trợ đào tạo được các chương trình sử dụng chung với trường đại học chủ quản như ở các CTTT của KTQD và đại học NT. Chất lượng và thái độ phục vụ đôi lúc chưa đạt yêu cầu đã gây ra những hình ảnh không tốt đối với sinh viên khi nhắc đến dịch vụ hỗ trợ đào tạo. Chương trình CLC-FPT được sinh viên đánh giá tốt nhất vì có tiềm lực lớn và đã chủ động hoàn toàn trong đầu tư và quản lý. CT E-BBA đã có khá nhiều cố gắng tuy nhiên cùng còn một số hoạt động bị phụ thuộc trong hệ thống chung.

**3.2. Đánh giá chất lượng đào tạo từ kết quả đầu ra**

*Đánh giá năng lực chuyên môn của sinh viên sau khi ra trường:* Số liệu khảo sát các sinh viên đã ra trường cho thấy 85% sinh viên cho rằng các kiến thức được đào tạo trong nhà trường là có ích cho công việc thực tế và có tác dụng tốt để hình thành năng lực chuyên môn cho họ. Số lượng sinh viên trên 8.0 tương đương với bằng giỏi chiếm 25% cũng là một kết quả đáng kể. Tuy nhiên, số lượng sinh viên ra trường bằng trung bình (5.0-5.9) chiếm một nửa số sinh viên khảo sát (50%), đó là kết quả không cao so với mặt bằng sinh viên của các chương trình chính qui khác trực thuộc các trường đại học được nghiên cứu.

*Đánh giá năng lực thực tiễn của sinh viên sau khi ra trường:* Kết quả phỏng vấn sâu sinh viên mới ra trường và nhà tuyển dụng lao động cho thấy nhìn chung sinh viên không vận dụng được hết các kiến thức đã được học (30/50 sinh viên không vận dụng

được; 12/50 chưa có cơ hội vận dụng, 8/50 sinh viên vận dụng được). Các nguyên nhân dẫn tới vấn đề này có thể kể đến: 1) Môi trường học tập không cung cấp đủ hoạt động thực hành bên cạnh học thuật; 2) Môi trường làm việc khác xa so với lý thuyết được cung cấp; 3) Sách giáo trình và tình huống nước ngoài với môi trường kinh tế hoàn toàn khác biệt với môi trường kinh tế Việt Nam; 4) Sinh viên còn thụ động, kém sáng tạo để áp dụng lý thuyết vào công việc;

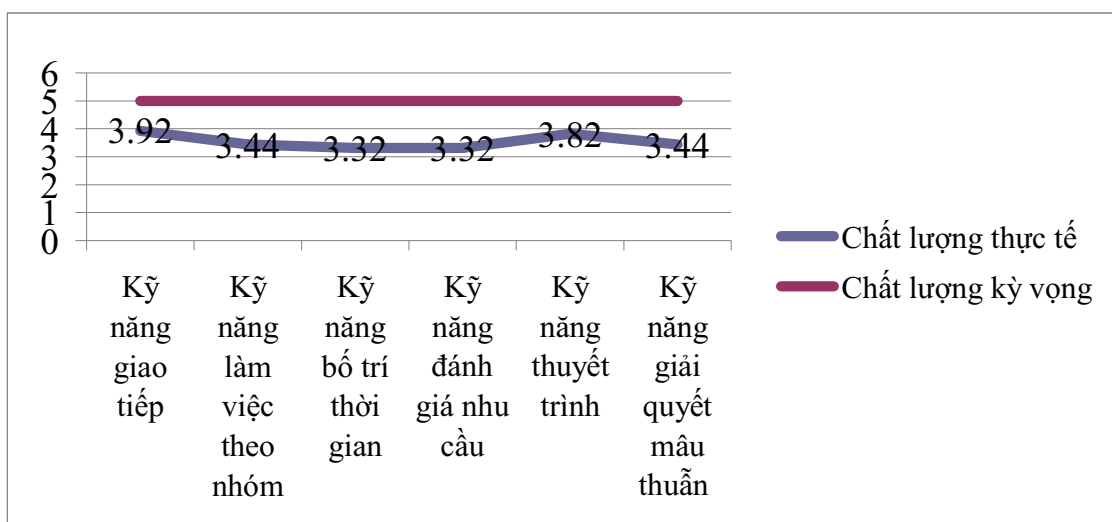
*Đánh giá trình độ kỹ năng mềm của sinh viên sau khi ra trường:*

Hình 2 cho thấy, điểm cho 6 kỹ năng này tương đối đồng đều và sự khác biệt chất lượng của các kỹ năng này không lớn, các chương trình cũng đã bắt đầu chú trọng đến phát triển và trang bị kỹ năng mềm cho sinh viên. Chất lượng đào tạo các kỹ năng cũng có khác biệt không nhiều với chất lượng kỳ vọng. Tất cả các kỹ năng đều có chất lượng cao hơn mức trung bình và tương đối cao. Kỹ năng bố trí thời gian và đánh giá nhu cầu là hai kỹ năng có chất lượng thấp nhất do chưa được các chương trình quan tâm và chú trọng đúng mức.

*Đánh giá năng lực tiếng Anh trong công việc của sinh viên sau khi ra trường:*

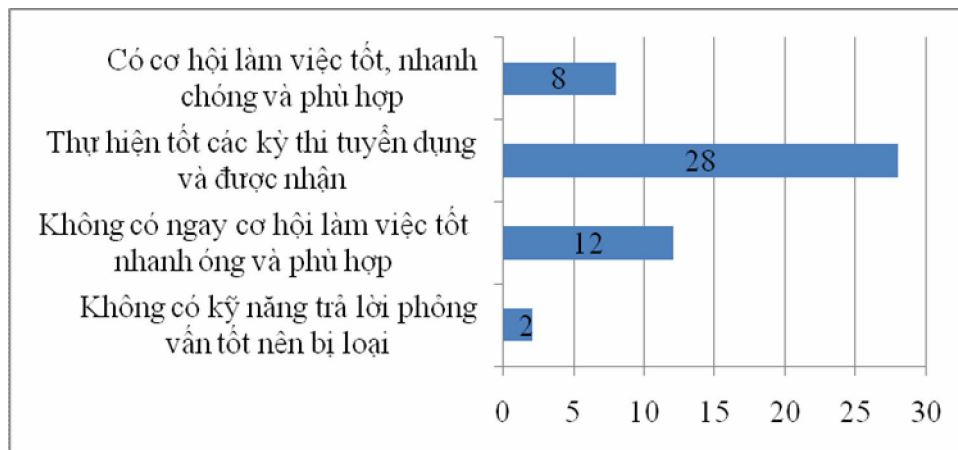
70% số sinh viên được nghiên cứu đều khẳng định họ sử dụng rất nhiều tiếng Anh trong công việc hiện tại, tiếng Anh được cung cấp rất hữu ích và vô cùng quan trọng khi đi xin việc. Các sinh viên biết tiếng Anh và sử dụng tiếng Anh thành thạo đều được

**Hình 2: Đánh giá trình độ kỹ năng mềm của sinh viên sau khi ra trường**



(Nguồn: Khảo sát của nhóm nghiên cứu)

**Hình 3: Khả năng đáp ứng cơ hội nghề nghiệp của sinh viên sau khi tốt nghiệp**



(Nguồn: Khảo sát của nhóm nghiên cứu)

trọng dụng và có cơ hội được nhận vào làm cao hơn hẳn so với các sinh viên không biết tiếng Anh. Tuy nhiên, có đến 25/50 sinh viên thừa nhận rằng mình vẫn gặp rào cản ngôn ngữ về tiếng Anh giao tiếp khi làm việc trong môi trường quốc tế mặc dù các chương trình đã từng bước tăng số lượng giảng viên nước ngoài dạy những môn chuyên ngành và ngày càng tăng cường các hoạt động hợp tác trao đổi sinh viên quốc tế.

*Đánh giá khả năng đáp ứng cơ hội nghề nghiệp của sinh viên sau khi ra trường:*

Kết quả điều tra 50 sinh viên cho thấy khả năng đáp ứng cơ hội nghề nghiệp của họ tương đối khả quan mặc dù điều kiện nền kinh tế hiện tại đang suy thoái. Theo hình 3, đa số các sinh viên sau khi ra trường đều có việc làm do có kỹ năng xin việc và hoàn thành tốt các kì thi tuyển dụng của các công ty lớn. Có đến 28/50 sinh viên thực hiện tốt các kỳ thi tuyển dụng và được nhận. Các nhà tuyển dụng đã đánh giá khá tốt chất lượng của các sinh viên sau khi đã đi làm. Theo họ, các sinh viên đều có vốn kiến thức chuyên ngành hiện đại, cập nhật, cộng với khả năng sử dụng tiếng Anh, kỹ năng mềm tốt và rất tự tin trong giao tiếp, diễn đạt ý tưởng một cách xúc tích, rõ ràng và phong thái dự tuyển chuyên nghiệp.

**Nguyên nhân của vấn đề chất lượng:** Một trong các nguyên nhân của hạn chế chất lượng đến từ vấn đề của cơ chế quản lý, đặc biệt là trong hệ thống các trường công. Cấp quản lý quá nhiều từ Bộ GD&ĐT, trường đại học chủ quản, đến các Viện/Chương trình, lợi ích và mối quan hệ giữa các bên liên quan nhiều lúc còn bất cập, thông tin giữa các cấp quản

lý mất khá nhiều thời gian và kém hiệu quả. Bên cạnh đó, ngân sách sử dụng để đầu tư, nâng cấp và cải tạo các hạng mục của các chương trình còn khá hạn chế, đặc biệt đối với các chương trình không có kinh phí hỗ trợ từ Bộ GD&ĐT. Các chương trình tự hay chương trình công (không nhận được hỗ trợ tài chính) thường có nguồn ngân sách hạn hẹp hơn và mức học phí cao hơn do chi phí vận hành các chương trình này là tương đối cao. Điều này dẫn đến việc thu hẹp lượng sinh viên được tiếp cận với loại hình đào tạo CNCQCLC theo chuẩn quốc tế mà rất phù hợp với nhu cầu của sự phát triển ngày nay không chỉ của các trường mà còn là xu thế phát triển xã hội.

#### **4. Định hướng nâng cao chất lượng các chương trình CNCQCLC**

##### **4.1. Cải tiến và nâng cao tính hiện đại, cập nhật và thực tiễn cho chương trình học**

Các chương trình cần nghiên cứu để hoàn thiện cấu trúc và nội dung môn học theo hướng gọn nhẹ (khoảng 130 tín chỉ), cập nhật và mang tính thực tiễn, cho phù hợp với xu hướng của các trường trên thế giới, đưa các tình huống có thực của Việt Nam vào bài giảng để phù hợp hơn với thực tiễn Việt Nam.

Cải thiện nội dung học tiếng Anh theo hướng tăng cường kỹ năng giao tiếp như tạo những tình huống nhỏ trong kinh doanh để sinh viên có thể trao đổi và giao tiếp trực tiếp trên lớp bằng tiếng Anh. Nhanh chóng xây dựng chuẩn đầu ra về tiếng Anh cho sinh viên và hoàn thiện các quy định về tổ chức học tập và thi cử để công nhận chuẩn đầu ra theo hướng

tăng cường tính linh hoạt cho sinh viên trong việc học tiếng Anh.

Tăng cường các hoạt động gắn kết nhà trường với xã hội và cộng đồng doanh nghiệp, xây dựng cơ sở dữ liệu doanh nghiệp, nâng cao tính toàn diện về nội dung hoạt động, tăng cường trao đổi thông tin giữa nhà trường- xã hội, cộng đồng doanh nghiệp, tiếp tục mở rộng nội dung và lĩnh vực hoạt động hợp tác thúc đẩy sự tham gia của doanh nghiệp trong các hoạt động ngoại khóa, như các cuộc thi, thăm quan doanh nghiệp, thực tập, kỹ năng mềm, cần tăng tỷ lệ doanh nghiệp tham gia giảng dạy (khoảng 15-20 % số tín chỉ), hướng dẫn thực tập và nghiên cứu khoa học sinh viên, tham gia các buổi tọa đàm khoa học, hội đồng chấm chuyên đề tốt nghiệp, đến tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp, báo cáo đánh giá định kỳ về chất lượng lao động tuyển dụng và tham gia vào kiểm định chất lượng đào tạo của Chương trình.

#### **4.2. Nâng cao chất lượng giảng viên**

Đẩy mạnh việc tuyển chọn giảng viên có chất lượng, đào tạo về phương pháp sư phạm và hỗ trợ sử dụng phương pháp và công nghệ giảng dạy lấy người học làm trung tâm. Tăng cường thêm đội ngũ giảng viên nước ngoài để sinh viên có cơ hội được tiếp xúc nhiều với các nền văn hóa khác, cũng như cải thiện trình độ tiếng Anh và tiếp thu những kỹ năng học tập mới mẻ đa dạng. Tăng cường mối quan hệ với xã hội và cộng đồng để nâng cao tính thực tiễn và sinh động của bài giảng.

#### **4.3. Tăng cường hệ thống giáo trình, tài liệu học tập, đa dạng, cập nhật và số hóa hệ thống thư viện**

Tăng cường xây dựng hệ thống sách tham khảo, tài liệu số hóa để phát triển hệ thống thư viện. Tập trung đầu tư vào thư viện điện tử để khắc phục hạn chế về chi phí mua giáo trình gốc và nâng cao hiệu quả tra cứu của sinh viên. Đa dạng hóa hơn nữa hệ thống tài liệu, giáo trình, một môn học nên có nhiều loại sách của nhiều tác giả khác nhau. Sinh viên sẽ kế thừa và so sánh, chọn lọc giữa nhiều tác giả để rút ra được bài học đúng đắn nhất cho mình.

#### **4.4. Nâng cao hiệu quả các hoạt động ngoại khóa để phát triển kỹ năng**

Đẩy mạnh về số lượng, nội dung và nâng cao hiệu quả hoạt động tham quan doanh nghiệp trên cơ sở xây dựng kế hoạch tổng thể cho cả khóa học và cả năm học, chú ý đến chủ đề các buổi thăm quan để lựa chọn cơ sở thăm quan phù hợp; đồng thời làm

tốt công tác định hướng trước buổi thăm quan và bài thu hoạch sau khi thăm quan cho sinh viên.

Bên cạnh đó cần đẩy mạnh hoạt động trao đổi sinh viên trong nước và quốc tế; hoạt động sinh viên tình nguyện hè, hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên, hoạt động dã ngoại, team building để nâng cao tinh thần tự chủ và kết hợp làm việc nhóm của các sinh viên. Các cuộc thi giải Case, văn nghệ, thể dục thể thao, hoạt động các câu lạc bộ sinh viên nhằm gắn kết sinh viên và tạo ra môi trường thân thiện trao đổi các kiến thức, kỹ năng cần thiết trong và ngoài xã hội.

#### **4.5. Tăng cường đầu tư về cơ sở vật chất, phương tiện giảng dạy và nâng cao hiệu quả hoạt động của thư viện, ứng dụng công nghệ thông tin**

Các chương trình cần có kế hoạch dành nguồn kinh phí đầu tư nâng cấp và đổi mới cơ sở vật chất phục vụ đào tạo. Đổi mới dần thư viện theo hướng thư viện điện tử, chú trọng đầu tư nâng cấp bộ phát wifi và đảm bảo chất lượng của các phương tiện máy chiếu, điều hòa... phòng học đạt chuẩn quốc tế theo đúng cam kết.

#### **4.6. Cải tiến và nâng cao hiệu quả các dịch vụ hỗ trợ đào tạo**

Các chương trình cần đánh giá lại những yếu kém về chất lượng phục vụ của trung tâm dịch vụ hỗ trợ đào tạo để nâng cao chất lượng phục vụ. Đồng thời, tiến tới học tập các mô hình trường quốc tế để cải tiến nội dung và hình thức phục vụ đáp ứng tốt hơn nhu cầu của sinh viên.

#### **4.7 Kiến nghị với Bộ GD&ĐT và các trường đại học chủ quản**

Trước hết, Bộ GD&ĐT cần thấy rõ vai trò và sự cần thiết phải phát triển các chương trình này trong giai đoạn hiện nay ở Việt Nam để thực hiện đổi mới triệt để, toàn diện và có hiệu quả cơ chế quản lý giáo dục hiện nay ở Việt Nam, thực hiện triệt để cơ chế “hậu kiểm” và trao quyền tự chủ đến tận các Viện/Chương trình.

Bộ cũng cần tạo điều kiện tối đa hoặc có quỹ hỗ trợ giúp những sinh viên có khả năng về học lực nhưng lại thiếu khả năng về tài chính có thể theo học các chương trình đào tạo CNCQCLC. Những sinh viên có thành tích học tập tốt cần được mức học bổng cao hơn nữa như cấp học bổng toàn phần cho sinh viên xuất sắc hoặc giới thiệu chuyển tiếp cao học nước ngoài...



Bên cạnh đó, Bộ GD&ĐT nên ban hành các thông tư hướng dẫn nhằm chuẩn hóa hệ thống giáo dục chất lượng cao. Nên có những chính sách khuyến khích về lương, thưởng và ghi nhận thành tích dành cho các cán bộ chương trình đạt được chuẩn chất lượng cùng với hệ thống kiểm tra, giám sát chất lượng nhằm gia tăng sức ép đối với các chương trình đào tạo CNCQCLC.

Sau thời gian thí điểm, Bộ nên tiếp tục mở rộng các dự án như Chương trình Tiên tiến, chương trình E-BBA, thúc đẩy hỗ trợ giảng viên và trang thiết bị giảng dạy, tài liệu học tập...

Để tăng cường mối quan hệ Nhà trường- xã hội và cộng đồng doanh nghiệp, Nhà nước cần ban hành quy định về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong đào tạo, ví dụ quy định về tỷ lệ bắt buộc tiếp

nhận sinh viên thực tập, quy định báo cáo đánh giá định kỳ chất lượng lao động và chính sách vinh danh, ưu đãi về thuế, vốn, hỗ trợ kinh phí khi doanh nghiệp hợp tác...

Các trường đại học chủ quản tiếp tục tăng cường ưu tiên về cơ sở vật chất và tài chính đối với các chương trình này, giúp hoàn thiện chất lượng tạo ra hình ảnh đào tạo chuyên nghiệp. Có chính sách hỗ trợ các Viện/Chương trình đẩy mạnh quan hệ hợp tác quốc tế, cải tiến cơ chế quản lý, phát huy tính chủ động sáng tạo và tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các Viện/Chương trình đặc biệt là chế độ tự chịu trách nhiệm về tài chính nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng của các chương trình đào tạo. Các trường nên mạnh dạn phân cấp phân quyền mạnh hơn nữa đặc biệt áp dụng thực sự cơ chế “hậu kiểm” đối với các chương trình. □

**Tài liệu tham khảo:**

60.000 du học sinh: Nguồn nhân lực tương lai \*2013), từ [dosco.edu.vn/index.php/welcome/news/77/vn](http://dosco.edu.vn/index.php/welcome/news/77/vn).

Nguyễn Quang Huy và nhóm sinh viên (2013), Nâng cao chất lượng các chương trình đào tạo Cử nhân chính quy chất lượng cao của các trường đại học trên địa bàn Hà Nội, Công trình tham gia xét giải thưởng “tài năng khoa học trẻ Việt Nam” năm 2013.

**Improving quality of full-time bachelor advanced education programs in Hanoi**

*Abstract:*

*This paper presents the importance and requirements of improving quality of high quality full-time bachelor programs to meet social demand for high quality human resource in Vietnam as well as assesses the real situation of quality of some typical programs and proposes solutions and recommendations to improve these training programs. Although students have got relatively high recognition of labor market for their working performance, there are still some points that these programs need to improve in terms of curriculums, teachers, textbooks, outdoor activities, equipments and supporting services. The paper proposes the MOET and the Universities for implemeting delegation and “post-examining” policy, complete renovation of education management mechanism, building financial and scholarship supporting policy, standardizing training system and continuously developing the MOET’s project of “Advanced education program” to the higer level in the future.*

**Thông tin tác giả:**

**\*Trần Thị Hồng Việt, tiến sĩ**

- Nơi công tác: Viện Quản trị Kinh doanh, Đại học Kinh tế quốc dân

- Lĩnh vực nghiên cứu chuyên sâu của tác giả: Chất lượng dịch vụ, dịch vụ đào tạo, chương trình Cử nhân chính quy chất lượng cao.

- Một số tạp chí tiêu biểu mà tác giả đã từng đăng tải công trình nghiên cứu: Tạp chí Kinh tế và Phát triển, Tạp chí Thông tin và Dự báo Kinh tế Xã hội Quốc gia.

Email: [tthviet@bsneu.edu.vn](mailto:tthviet@bsneu.edu.vn)